TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH** Bản án số: 13/2020/DS-ST Ngày: 23-10-2020 V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thành
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Á
2. Bà Trương Thị Diện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Chánh Thân – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị C, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn KGB, xã H Hải, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định

Bị đơn: Vợ chồng anh Trần Lê Minh Q, sinh năm 1984 (yêu cầu giải quyết vắng mặt), chị Lê Thị Thanh P, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố Thiện Đức Đ, phường HH, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn, chị Đinh Thị C là: Vào ngày 10/9/2017, vợ chồng chị Lê Thị Thanh P có đến nhà chị mượn số tiền là 50.000.000 đồng về mua bán máy thủy. Chị đồng ý cho vợ chồng chị P, anh Q mượn số tiền này, thỏa thuận mỗi năm trả cho chị lãi suất là 1%/tháng. Từ đó đến nay đã trả được 6.500.000 đồng tiền lãi. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị P, anh Q trả cho chị số tiền là 61.500.000 đồng (gồm 50.000.000 tiền gốc và 11.500.000 đồng tiền lãi).

- Theo lời trình bày của bị đơn, vợ chồng anh Trần Lê Minh Q, chị Lê Thị Thanh P là: Vào khoảng năm 2014, 2015, vợ chồng anh chị đã nhiều lần mượn tiền của chị Đinh Thị C, thỏa thuận lãi suất mỗi tháng là 2.5%. Đến ngày 10/9/2017, chị Đinh Thị C chốt số tiền đã mượn là 50.000.000 đồng. Vì điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng anh chị có xin chị C không trả lãi nữa và được

chị C đồng ý. Từ năm 2017 đến nay, vợ chồng anh chị đã trả cho chị C số tiền gốc là 6.500.000 đồng. Hiện chỉ còn nợ chị C 43.500.000 đồng. Anh chị xin trả dần cho chị C mỗi tháng 500.000 đồng.

Nay chị C yêu cầu vợ chồng anh chị trả số tiền gốc và lãi là 61.500.000 đồng, anh chị không đồng ý.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Đinh: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngày 10/9/2017 vợ chồng anh Trần Lê Minh Q viết giấy mượn nợ của chị Đinh Thị C số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận, đến ngày 10.9.2019 trả cả gốc và lãi. Đến hẹn vợ chồng anh Q, chị P không trả nên chị C có đơn khởi kiện. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 10.9.2017, chị Đinh Thị C có cho vợ chồng anh Trần Lê Minh Q, chị Lê Thị Thanh P vay số tiền 50.000.000 đồng thời hạn vay 2 năm, hai bên có thỏa thuận lãi suất, chị C cho rằng lãi suất là 1%/tháng, vợ chồng anh Q cho rằng lãi suất là 2,5%/tháng. Giữa hai bên thống nhất đã trả được 6.500.000 đồng, nguyên đơn cho rằng đó là tiền lãi, bị đơn cho rằng đã 6.500.000 đồng tiền gốc và vì kinh tế khó khăn nên vợ chồng anh Q, chị P xin tiền lãi và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 10.9.2017 vợ chồng anh Trần Lê Minh Q, chị Lê Thị Thanh P ký vào giấy nhận nợ của chị Đinh Thị C 50.000.000 đồng, việc này được vợ chồng anh Q, chị P thừa nhận, nên việc vay mượn tiền giữa hai bên là có thật.

Về số tiền 6.500.000 đồng mà vợ chồng anh Q, chị P đã trả. Chị C cho rằng đây là số tiền lãi, vợ chồng anh Q, chị P cho rằng đây là tiền gốc. Hội đồng xét xử thấy rằng: theo giấy nợ đề ngày 10.9.2017 giữa hai bên có thỏa thuận tiền lãi nhưng không thỏa thuận mức lãi cụ thể, như vậy hợp đồng giữa hai bên là vay có kỳ hạn, có lãi. Số tiền 6.500.000 đồng được vợ chồng anh Q, chị P trả cho chị C nhiều lần. Do đó, số tiền 6.500.000 đồng là số tiền mà vợ chồng anh Q, chị P trả lãi cho chị C.

Như vậy, vợ chồng anh Q, chị P phải trả cho chị C số tiền gốc còn phải nợ là 50.000.000 đồng.

[2.2] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay hai bên đều thừa nhận có lãi suất. Nguyên đơn chị C yêu cầu lãi suất 1%/tháng, bị đơn cho rằng lãi suất là 2,5%/tháng. Thấy rằng: lãi suất 1%/tháng theo yêu cầu của chị C thấp hơn lãi suất mà vợ chồng anh Q, chị P nêu ra như

vậy có lợi cho vợ chồng anh Q, chị P và phù hợp với mức lãi suất quy định nên chấp nhận mức lãi suất mà chị C đưa ra.

Ngày 10/9/2017 hai bên ký hợp đồng, thời hạn vay là 2 năm, tính đến thời điểm xét xử là 3 năm 1 tháng 13 ngày nhưng tại phiên tòa hôm nay chị C chỉ yêu cầu lãi suất 1%/tháng trong 3 năm với số tiền lãi là 18.000.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện này của chị C. Như phân tích ở trên thì vợ chồng anh Q, chị P đã trả được 6.500.000 đồng như vậy vợ chồng anh Q, chị P còn phải trả số tiền lãi là 11.500.000 đồng là phù hợp với yêu cầu của chị C.

Đối với yêu cầu của vợ chồng anh Q, chị P cho rằng chị C cho tiền lãi và xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng. Yêu cầu này của vợ chồng anh Q, chị P không được chị C đồng ý và không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

Như vậy, vợ chồng anh Q, chị P phải có nghĩa vụ trả cho chị C số tiền 61.500.000 đồng (trong đó có 50.000.000 đồng tiền gốc).

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu của chị Đinh Thị C được chấp nhận nên vợ chồng anh Trần Lê Minh Q, chị Lê Thị Thanh P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị C. Buộc vợ chồng anh Trần Lê Minh Q, chị Lê Thị Thanh P trả cho chị Đinh Thị C số tiền 61.500.000 đồng (trong đó có 50.000.000 đồng tiền gốc).

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí sơ thẩm: Buộc vợ chồng anh Trần Lê Minh Q, chị Lê Thị Thanh P nộp 3.075.000 *(ba triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn)* đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả cho chị Đinh Thị C 1.700.00 đồng theo biên lai thu số 0009948 ngày ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

3/ Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Minh Thành